

Thứ ba, ngày 7 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tăng điểm tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/4/2020		•	
Tuần 6/4-10/4/2020			•
Tháng 4/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đà hồi phục tiếp tục kéo dài trong phiên hôm nay, các cổ phiếu VRE, VHM, BID, VCB, tiếp tục là các trụ đỡ chính của VN-Index. Tâm lý nhà đầu đang ở trạng thái tích cực với thanh khoản duy trì ở mức cao và HDTL tất cả các kì hạn đều ở trạng thái Premium. Với xu hướng này, VN-Index dự kiến sẽ kiểm tra ngưỡng kháng cự 750 trong các phiên giao dịch tới. Tuy nhiên, việc khối ngoại duy trì xu hướng bán ròng đã làm cản trở đà tăng điểm của thị trường và tạo lực cản tại ngưỡng kháng cự này. Với diễn biến tình trạng COVID 19 tại Việt Nam ngày càng khả quan, nhà đầu tư có thể tăng tỷ trọng danh mục ở nhóm cổ phiếu ngành tiêu dùng thiết yếu ít chịu ảnh hưởng bởi đợt dịch bệnh này.

Hợp đồng tương lai: Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 685 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/4/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Hàng tiêu dùng 3.6%. 14/23 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Hàng tiêu dùng** - có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.6%**, con số này của VNINDEX là 1.3%

Phân tích kỹ thuật: CVT_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index tăng **+9.94 điểm**, đóng cửa 746.69. HNX-Index tăng **+0.17 điểm**, đóng cửa 103.43.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+6.97%); VNM (+2.39%); VRE (+6.95%); SAB (+3.79%); MWG (+6.72%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **PLX (-3.12%); CTG (-1.24%); BHN (-6.93%); GVR (-1.54%); HVN (-1.69%)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,122 tỷ đồng**, **+8.86%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 18.85 điểm. Thị trường có 201 mã tăng, 67 mã tham chiếu 153 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-364.63 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (-203.7 tỷ), VEA (-21.4 tỷ) và GAS (-19.6 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.74 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

746.69

Giá trị: 4122.17 tỷ

9.94 (1.35%)

Khối ngoại (ròng): -364.63 tỷ

HNX-INDEX

103.43

Giá trị: 585.93 tỷ

0.17 (0.16%)

Khối ngoại (ròng): -2.74 tỷ

UPCOM-INDEX

50.43

Giá trị: 197.7 tỷ

0.1 (0.2%)

Khối ngoại (ròng): -26.49 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	27.1	3.80%
Giá vàng	1,650	-0.63%
Tỷ giá USD/VND	23,464	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	25,363	-0.06%
Tỷ giá JPY/VND	21,507	0.15%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	5.78%
LS TPCP 5 năm	2.7%	-8.15%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	28.8	VIC	-203.7
HPG	9.2	VEA	-21.4
VHM	7.3	GAS	-19.6
MSN	6.5	NLG	-19.2
PHR	6.4	SSI	-17.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

Link
Link

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

Link
Link

* 14/23 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Hàng tiêu dùng** - có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tình hình thu cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.6%** con số này của VNINDEX là 1.3%

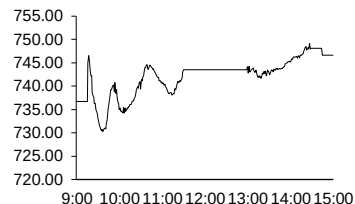
* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- 7/9 danh mục **Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

- 1/3 danh mục **Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

7/4/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_3.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Hàng tiêu dùng	3.6%	18.1%	-16.9%	-20.7%	-30.7%	-25.2%	7.4%	19.4%
Lãi suất giảm	3.6%	20.4%	-20.9%	-22.3%	-29.0%	-28.9%	2.2%	19.0%
Stay-at-home	3.1%	16.4%	-21.4%	-7.2%	-22.8%	-14.5%	22.4%	16.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.5%	17.2%	-22.4%	-23.6%	-24.3%	-8.4%	44.3%	21.0%
Vật liệu Xây dựng	2.4%	17.1%	-15.9%	-21.8%	-23.8%	-21.3%	-22.8%	20.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	2.4%	14.6%	-13.3%	-21.2%	-24.5%	-24.6%	34.0%	15.7%
FTSE Việt Nam	2.3%	13.8%	-11.5%	-19.5%	-21.8%	-21.6%	43.6%	16.6%
BDS & Khu công nghiệp	2.2%	9.9%	-20.6%	-26.9%	-29.4%	-26.9%	-3.5%	17.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	2.2%	15.6%	-15.9%	-20.2%	-23.2%	-16.4%	21.1%	17.2%
Corona Avengers	2.0%	17.1%	-21.4%	-34.6%	-39.6%	-41.4%	-6.8%	21.9%
VN Diamond	1.8%	13.6%	-22.9%	-22.8%	-26.5%	-13.8%	14.7%	18.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.6%	16.0%	-17.6%	-22.8%	-29.6%	-35.7%	-7.7%	22.3%
Chiến tranh thương mại	1.5%	13.3%	-23.4%	-29.2%	-34.5%	-33.2%	-26.6%	17.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.4%	12.3%	-21.6%	-24.0%	-27.3%	-15.0%	15.1%	18.9%
VN FinSelect	1.3%	12.5%	-22.3%	-18.3%	-20.4%	-17.5%	5.3%	19.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.2%	14.0%	-22.8%	-17.7%	-19.4%	-15.7%	8.7%	21.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.1%	14.2%	-15.5%	-20.4%	-26.8%	-20.1%	14.9%	16.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.0%	9.6%	-11.3%	-14.6%	-13.9%	-13.1%	19.9%	15.5%
Xây dựng	0.8%	12.3%	-19.1%	-20.8%	-35.9%	-38.3%	-33.5%	19.2%
Dầu khí	0.7%	18.7%	-24.4%	-34.6%	-39.5%	-42.5%	-21.3%	25.2%
Ngành Dược	0.4%	7.4%	-8.2%	-5.9%	-7.6%	-4.6%	12.3%	18.1%
Ngân hàng	0.3%	13.5%	-22.1%	-17.4%	-17.8%	-10.2%	37.4%	23.3%
Nước & Năng lượng	0.0%	11.3%	-14.6%	-22.7%	-27.6%	-25.5%	10.9%	16.1%

Mục tiêu

Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.

Danh mục 3	3.5%	17.3%	-24.4%	-25.3%	-31.8%	-21.9%	19.8%	22.0%
Danh mục 8	3.1%	16.5%	-19.1%	-25.6%	-28.2%	-15.3%	25.6%	19.4%
Danh mục 7	2.7%	12.8%	-17.6%	-23.6%	-26.3%	-15.5%	16.8%	17.0%
Danh mục 5	1.0%	13.9%	-18.1%	-23.0%	-23.5%	-10.2%	33.3%	18.7%
Danh mục 4	0.9%	14.0%	-18.0%	-23.9%	-23.3%	-9.5%	43.6%	20.0%

* Note

7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro

Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro

Danh mục 12	2.1%	17.8%	-17.9%	-21.9%	-25.1%	-11.4%	60.2%	18.6%
Danh mục 11	1.1%	11.9%	-12.8%	-17.2%	-20.7%	-8.7%	19.2%	17.2%
Danh mục 10	0.8%	13.4%	-15.3%	-21.2%	-22.1%	-11.2%	16.6%	16.9%

* Note

1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX

VNINDEX	1.3%	12.7%	-16.2%	-22.3%	-24.8%	-24.2%	3.2%	16.7%
VN30INDEX	1.6%	13.1%	-17.0%	-21.1%	-24.7%	-23.1%	0.0%	17.2%

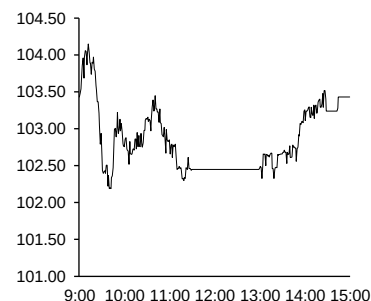
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	6.2%
Bảo hiểm	3.9%
Ô tô và phụ tùng	3.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.5%
Thực phẩm và đồ uống	2.4%
Bất động sản	2.4%
Dịch vụ tài chính	0.6%
Ngân hàng	0.5%
Xây dựng và Vật liệu	0.5%
Tài nguyên Cơ bản	0.4%
Truyền thông	0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.3%
Y tế	0.2%
Công nghệ Thông tin	0.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.1%
Du lịch và Giải trí	-0.8%
Hóa chất	-0.9%
Dầu khí	-1.7%
Viễn thông	-1.8%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

CVT_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, RSI chạm kênh Bollinger trên.

Nhận định: CVT đã hình thành mô hình 2 đáy. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với thấy nhịp tăng giá ngắn hạn. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. CVT nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng giá 20 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 16-17 và chốt lãi ngắn hạn tại vùng giá 20-22. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 15.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 3/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 7/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	27.07	3.80%	32.18%	-34.80%	-55.56%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	33.95	2.72%	28.84%	-25.40%	-49.99%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	72.51	3.35%	22.34%	-47.50%	-61.59%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1660.86	-0.01%	5.31%	-0.80%	30.23%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.15	0.96%	8.40%	-12.70%	0.75%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	860.75	0.61%	-2.85%	-3.40%	-9.87%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	551.50	-0.76%	-3.03%	6.90%	7.61%		AFX
Sữa	USD /cwt	13.74	5.29%	5.21%	-16.60%	-15.03%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.20	1.57%	2.75%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.45	1.36%	-2.61%	-22.10%	-26.25%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	116.65	1.52%	-2.22%	4.80%	7.76%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	4884.00	0.92%	2.40%	-13.90%	-24.57%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3237.00	1.06%	-0.58%	-10.10%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1472.00	-0.64%	-3.82%	-14.40%	-21.33%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	570.00	0.18%	-0.44%	-12.30%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	62.10	-0.64%	-9.87%	-7.50%	-29.59%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu Brent giảm 1.06 USD tương đương 3.1% xuống 33.05 USD/thùng, trong khi dầu WTI giảm 2.26 USD tương đương 8% xuống 26.08 USD/thùng. Giá dầu giảm sau khi Saudi Arabia và Nga trì hoãn cuộc họp các nhà sản xuất dầu, nhằm giải quyết tình trạng dư cung trên toàn cầu ngày càng gia tăng do đại dịch virus corona khiến nhu cầu suy giảm.
- Giá dầu thô Mỹ giảm mạnh hơn so với dầu Brent sau số liệu của Genscape cho thấy rằng, tồn trữ tại trung tâm lưu trữ dầu Cushing, Oklahoma – điểm giao dịch dầu WTI – tăng 5,8 triệu thùng trong tuần trước.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 2.3% lên 1,653.35 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 2.9% lên 1,693.9 USD/ounce. Giá vàng tăng hơn 2% lên mức cao nhất hơn 3 tuần do kỳ vọng các biện pháp kích thích toàn cầu sẽ chống lại tác động kinh tế gây ra bởi đại dịch virus corona.
- Đồng USD giảm so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt khác song tăng so với đồng JPY, khi tỉ lệ từ vòng do virus corona tại châu Âu chậm lại trong khi từ vòng tại Nhật Bản và các nơi khác ở châu Á tăng tốc.

Giá cao su

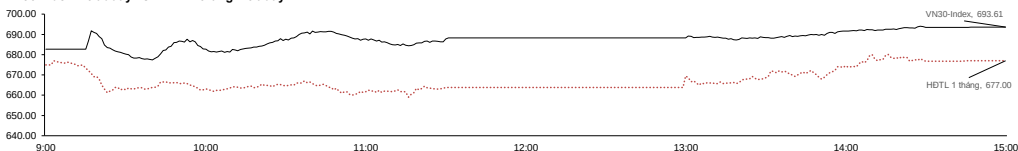
- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM tăng 2.6 JPY lên 146.9 JPY (1.35 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 1.1% lên 107.3 US cent/kg.
- Giá cao su tại Tokyo tăng lên mức cao nhất 1 tuần được hậu thuẫn bởi thị trường chứng khoán Tokyo tăng, song lo ngại nhu cầu toàn cầu suy giảm đã hạn chế đà tăng.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE tăng 14 US cent tương đương 1.4% lên 10.45 US cent/lb. Giá đường trắng cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 6.4 USD tương đương 1.9% xuống 330.1 USD/tấn. Giá đường thô tăng do thị trường chứng khoán tăng, song mức tăng bị hạn chế bởi lo ngại Brazil sẽ thúc đẩy sản lượng đường.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE tăng 1.75 US cent tương đương 1.5% lên 1.1665 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 3 USD tương đương 0.3% lên 1,194 USD/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2004	677.00	3.08%	-16.61	84.2%	228,037	4/16/2020	11
VN30F2005	674.90	3.50%	-18.71	70.9%	2,290	5/21/2020	46
VN30F2006	672.00	3.07%	-21.61	8.7%	137	6/18/2020	74
VN30F2009	671.10	2.10%	-22.51	27.5%	348	9/17/2020	165

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng tích cực 10.96 điểm lên mức 693.61 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, MWG, VNM, VPB và MSN tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 điều chỉnh giảm đầu phiên xuống gần 675 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại tăng mạnh lên trên 690 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức cao, VN30 có thể tiếp tục vận động tăng lên 705 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2005, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 685 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVHM2001	KIS	12/16/2020	253	5:1	30,390	213.0%	2.0 triệu	32.63%	3,100	2,100	61.54%	234.10	8.97
CMSN1902	KIS	5/15/2020	38	5:1	410,190	192.4%	2.0 triệu	30.66%	1,640	110	57.14%	0.50	220.00
CVPB2004	SSI	5/14/2020	37	1:1	158,310	555.3%	3.0 triệu	36.83%	4,100	170	41.67%	40.70	4.18
CMWG2004	SSI	6/15/2020	69	1:1	109,200	405.1%	1.0 triệu	36.50%	13,600	540	22.73%	90.90	5.94
CVNM2002	KIS	12/16/2020	253	5:1	32,530	-84.3%	3.0 triệu	27.67%	3,200	1,400	12.90%	187.60	7.46
CSTB2001	KIS	6/19/2020	73	1:1	323,650	-44.3%	5.0 triệu	36.03%	1,500	530	12.77%	118.70	4.47
CMSN2001	KIS	12/16/2020	253	5:1	98,820	-65.2%	2.0 triệu	30.66%	2,300	1,980	10.61%	710.50	2.79
CHPG2004	SSI	6/15/2020	69	1:1	108,480	79.7%	5.0 triệu	32.45%	2,800	570	7.55%	98.80	5.77
CVIC2001	KIS	12/16/2020	253	5:1	17,000	1187.9%	2.0 triệu	30.84%	2,700	2,340	5.88%	567.20	4.13
CVPB2001	HSC	6/22/2020	76	2:1	318,740	-44.6%	5.0 triệu	36.83%	1,500	960	5.49%	572.60	1.68
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	106	1:1	92,120	-71.8%	1.5 triệu	36.83%	2,200	1,120	2.75%	742.00	1.51
CHPG2002	KIS	12/16/2020	253	2:1	116,100	1396.1%	3.0 triệu	32.45%	1,700	770	2.67%	78.80	9.77
CFPT1908	MBS	6/17/2020	71	3:1	132,040	-13.2%	2.4 triệu	30.56%	3,150	430	2.38%	220.80	1.95
CHPG2003	MBS	5/4/2020	27	3:1	361,060	-18.3%	6.0 triệu	32.45%	1,570	120	0.00%	-	-
CREE1905	MBS	6/17/2020	71	3:1	91,670	72.9%	2.4 triệu	29.87%	2,150	450	-4.26%	68.60	6.56
CDPM2002	KIS	12/16/2020	253	1:1	21,820	586.2%	2.0 triệu	33.58%	1,700	1,940	-5.37%	643.40	3.02
CMWG2001	HSC	6/22/2020	76	10:1	304,690	-42.1%	5.0 triệu	36.50%	1,700	80	-11.11%	2.70	29.63
CSBT2001	KIS	12/16/2020	253	1:1	55,780	-38.6%	2.0 triệu	32.17%	2,900	830	-16.16%	112.50	7.38
CSTB2002	KIS	12/16/2020	253	1:1	263,310	81.8%	3.0 triệu	36.03%	1,700	1,350	-29.32%	400.30	3.37
CDPM2001	KIS	6/19/2020	73	2:1	103,020	-77.1%	2.0 triệu	33.58%	1,000	350	-35.19%	91.20	3.84

Tổng:

3,148,920

59.30 triệu

33.26%**

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 7/4/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

• Về giá, CVHM2001 và CVNM2002 tăng mạnh lần lượt là 61.54% và 12.90%. Trái lại, CSTB2002 giảm mạnh -29.32%. Thanh khoản giảm -36.19%. CMSN1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.78% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CREE1905 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CMSN2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	66.00	6.97	2.18
MWG	74.60	6.72	1.88
VNM	98.50	2.39	1.73
VPB	19.45	3.73	1.63
MSN	57.50	2.86	1.02

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	99.0	-0.90	-0.32
PLX	38.9	-3.12	-0.18
FPT	47.3	-0.42	-0.15
NVL	51.7	-0.58	-0.14
CTG	19.9	-1.24	-0.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2001	110.067	94.567	66.000
CMSN1902	86.089	77.889	57.500
CVPB2004	28.100	24.000	19.450
CMWG2004	24.100	10.500	74.600
CVNM2002	157.111	141.111	98.500
CSTB2001	12.499	10.999	9.180
CMSN2001	77.289	65.789	57.500
CHPG2004	26.300	23.500	19.000
CVIC2001	139.968	126.468	97.300
CVPB2001	23.000	20.000	19.450
CVPB2003	24.200	22.000	19.450
CHPG2002	33.399	29.999	19.000
CFPT1908	63.450	54.000	47.300
CHPG2003	26.810	22.100	19.000
CREE1905	39.124	32.977	30.000
CDPM2002	16.952	15.252	12.500
CMWG2001	132.000	115.000	74.600
CSBT2001	24.011	21.111	13.450
CSTB2002	13.588	11.888	9.180
CDPM2001	16.567	14.567	12.500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	74.6	6.7%	1.1	1,469	18.6	8,655	8.6	2.7	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	57.0	2.7%	1.3	558	3.0	5,361	10.6	2.8	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	47.8	5.6%	1.4	1,543	1.7	1,632	29.3	1.9	28.9%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.6	0.3%	0.6	307	1.5	2,623	11.7	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	97.3	0.0%	0.9	14,309	12.1	2,310	42.1	4.2	14.5%	11.7%
VRE	Bất động sản	22.3	7.0%	1.1	2,203	3.6	1,226	18.2	1.9	31.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.7	-0.6%	0.8	2,179	1.3	3,552	14.6	2.2	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	30.0	-0.7%	0.9	404	0.6	5,287	5.7	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	8.7	-1.8%	1.5	197	0.9	2,850	3.1	0.6	42.2%	20.3%
SSI	Chứng khoán	14.2	0.0%	1.3	319	3.9	1,787	7.9	0.8	51.8%	9.9%
VCI	Chứng khoán	15.7	-0.9%	1.0	112	0.2	4,240	3.7	0.6	35.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	14.4	6.3%	1.7	191	3.5	1,421	10.1	1.0	53.9%	11.7%
FPT	Công nghệ	47.3	-0.4%	0.8	1,402	5.1	4,631	10.2	2.3	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	42.5	-2.3%	0.4	460	0.0	4,812	8.8	2.2	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	62.9	-0.2%	1.5	5,234	2.6	6,092	10.3	2.5	3.4%	25.4%
PLX	Dầu khí	38.9	-3.1%	1.5	2,011	2.0	3,495	11.1	2.0	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.8	4.4%	1.6	245	5.8	1,529	7.7	0.5	15.6%	6.2%
BSR	Dầu khí	5.7	-6.6%	0.8	768	1.0	898	6.3	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	83.0	-1.2%	0.6	472	0.1	4,668	17.8	3.2	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.5	-2.7%	0.6	213	1.0	774	16.1	0.6	18.1%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.9	-0.2%	0.5	135	0.1	592	9.9	0.5	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	68.2	0.3%	1.2	10,998	5.2	5,003	13.6	3.1	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	37.0	0.8%	1.7	6,470	2.9	2,366	15.6	2.0	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	19.9	-1.2%	1.3	3,213	6.3	2,541	7.8	1.0	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	19.5	3.7%	1.2	2,061	3.6	3,379	5.8	1.1	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	16.0	1.3%	1.1	1,672	8.7	3,476	4.6	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.3	-1.5%	1.0	1,462	4.0	3,694	5.5	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	39.2	3.3%	0.9	140	0.5	5,165	7.6	1.3	79.4%	17.2%
NTP	Nhựa	28.4	0.7%	0.3	121	0.0	4,167	6.8	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	0.0%	0.7	628	0.0	356	41.0	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	19.0	0.8%	1.1	2,281	6.3	2,588	7.3	1.1	36.5%	17.1%
HSG	Thép	5.6	0.2%	1.7	102	0.9	1,161	4.8	0.4	17.8%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	98.5	2.4%	0.7	7,458	9.6	5,478	18.0	6.2	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	137.0	3.8%	0.8	3,820	0.4	7,477	18.3	4.7	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	57.5	2.9%	1.0	2,922	5.2	4,772	12.0	1.6	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	13.5	-1.5%	0.7	343	0.9	508	26.5	1.1	6.0%	4.4%
ACV	Vận tải	48.5	0.0%	0.8	4,591	0.4	2,630	18.4	3.4	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	99.0	-0.9%	1.1	2,255	1.1	7,889	12.5	3.4	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	20.3	-1.7%	1.7	1,252	1.4	1,640	12.4	1.6	9.6%	12.8%
GMD	Vận tải	16.3	0.0%	0.9	210	0.2	1,595	10.2	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.1	-1.2%	0.9	111	0.4	2,398	3.8	0.6	28.6%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	60.0	0.8%	1.0	417	2.2	8,824	6.8	2.8	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	15.7	1.9%	0.7	306	0.3	1,453	10.8	1.1	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	11.3	0.0%	0.8	187	0.0	1,941	5.8	0.8	6.4%	14.1%
CTD	Xây dựng	54.2	5.0%	1.2	180	0.7	8,859	6.1	0.5	46.5%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.8	0.0%	0.6	476	0.1	1,567	15.8	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.3	-0.5%	0.4	208	1.5	2,769	7.0	0.8	47.1%	12.9%
POW	Điện	8.0	-1.8%	0.6	814	1.4	1,028	7.8	0.7	12.3%	9.4%
NT2	Điện	18.4	1.7%	0.5	230	0.5	2,560	7.2	1.3	17.5%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	66.00	6.97	4.11	902670.00
VNM	98.50	2.39	1.14	2.27MLN
VRE	22.30	6.95	0.96	3.72MLN
SAB	137.00	3.79	0.92	67530.00
MWG	74.60	6.72	0.61	5.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLX	0.00	-0.46	1.19MLN	1.11MLN
CTG	0.00	-0.27	7.26MLN	607060.00
BHN	-0.01	-0.20	5600.00	373600.00
GVR	0.00	-0.16	277730.00	192700.00
HVN	0.00	-0.14	1.55MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LAF	8.57	6.99	0.00	810.00
AGM	11.50	6.98	0.00	67550.00
VHM	66.00	6.97	4.11	902670.00
TNC	15.35	6.97	0.01	510.00
NVT	5.22	6.97	0.01	370.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MCP	13.95	-7.00	-0.01	20.00
C47	7.05	-6.99	0.00	105880.00
CMV	16.00	-6.98	0.00	1190.00
HRC	32.10	-6.96	-0.02	110.00
VTB	10.70	-6.96	0.00	320.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	14.90	2.05	0.40	5.73MLN
PVS	11.80	4.42	0.12	11.48MLN
TNG	10.60	9.28	0.04	2.50MLN
IDJ	15.70	9.03	0.04	303300.00
SZB	26.90	9.80	0.03	200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	20.30	-1.46	-0.48	4.47MLN
SHN	7.80	-7.14	-0.07	9900.00
TVC	26.00	-2.99	-0.03	192800.00
DNP	17.00	-1.73	-0.02	5000.00
CTX	9.00	-8.16	-0.02	1400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

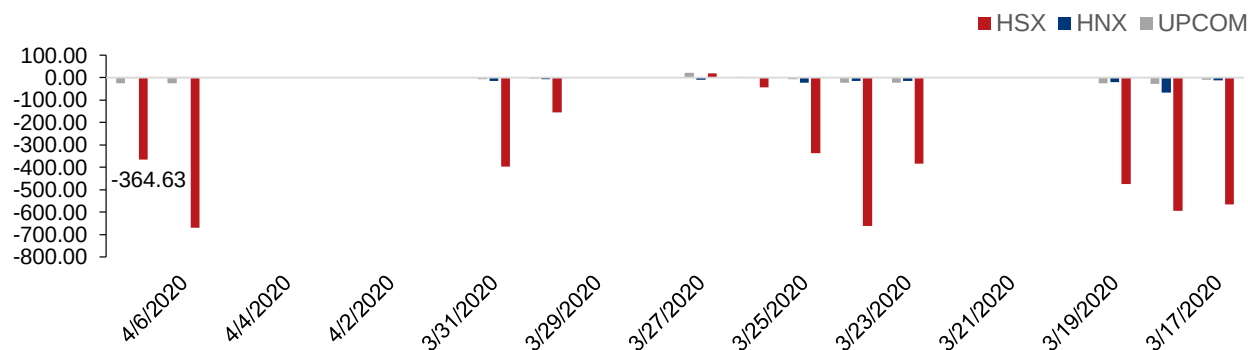
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	33.3	0.00	6000.00
BII	0.70	16.7	0.00	548000.00
HKB	0.70	16.7	0.00	264000.00
VIG	0.70	16.7	0.00	554700.00
PVX	0.80	14.3	0.02	1.11MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPP	0.50	-16.67	0.00	65300.00
KHS	10.30	-12.71	-0.01	300.00
KVC	0.70	-12.50	-0.01	184900.00
SPI	0.70	-12.50	0.00	41700.00
MEC	0.80	-11.11	0.00	1200.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



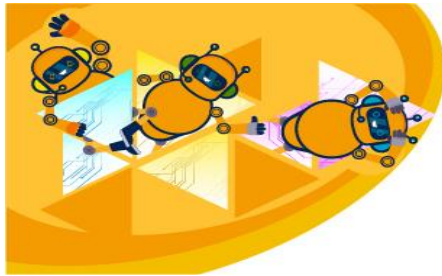
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	16.3	1,595	10.2	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.3	3,694	5.5	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.2	1,954	6.2	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	137.0	7,477	18.3	4.7	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	18.7	1,688	11.1	1.3	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	98.5	5,478	18.0	6.2	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.7	2,690	4.0	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	74.6	8,655	8.6	2.7	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	25.1	7,380	3.4	0.9	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	47.3	4,631	10.2	2.3	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	16.7	2,109	7.9	1.2	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	21.8	3,897	5.6	1.0	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	83.0	4,668	17.8	3.2	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.7	4,313	5.7	1.2	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	57.0	5,361	10.6	2.8	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.1	2,398	3.8	0.6	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	153.9	14,782	10.4	4.2	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	8.6	0	19.4	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	74.6	8,655	8.6	2.7	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	20.3	3,694	5.5	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Dục). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNNT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNNT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNNT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNNT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc giảm trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chép hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn